



CHÂN DUNG CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH



175 tên gọi, bút danh và bí danh của Chủ tịch Hồ Chí Minh

1. **Nguyễn Sinh Cung**, 1890. Đây là tên khai sinh tại làng Hoàng Trù, xã Chung Cự, tổng Lâm Thịnh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, nay thuộc xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.
2. **Nguyễn Sinh Côn**. Trong một bài viết của Hồ Chí Minh, năm 1954, Hồ cũng ghi tên còn nhỏ của mình là Nguyễn Sinh Côn.
3. **Nguyễn Tất Thành**, 1901. Tháng 9, 1901, nhân dịp ông Nguyễn Sinh Sắc, cha Nguyễn Sinh Cung, chuyển về sống ở làng Kim Liên, ông có làm lễ “chào làng” cho hai con trai với tên mới là Nguyễn Tất Đạt (Sinh Khiêm) và Nguyễn Tất Thành (Sinh Cung).
4. **Nguyễn Văn Thành**
5. **Nguyễn Bé Con**. Trong tài liệu đề ngày 6 tháng 2, 1920 của Tổng đốc Vinh cung cấp về Nguyễn Sinh Sắc và hai con trai có ghi con trai thứ của Nguyễn Sinh Sắc là Nguyễn Bé Con. Tài liệu mật thám Pháp theo dõi hoạt động của Nguyễn Ái Quốc, bản ghi số 1116, 1931: Nguyễn Ái Quốc hay Nguyễn Tất Thành tức Nguyễn Sinh Côn hay Nguyễn Bé Con tức Lý Thụy...
6. **Văn Ba**, 1911. Ngày 5/6/1911 Nguyễn Tất Thành rời Việt Nam làm việc trên một chiếc Tàu Pháp. Trong sổ lương của tàu có tên Văn Ba.
7. **Paul Tat Thanh**, 1912. Ngày 15 tháng 12 năm 1912, Nguyễn Tất Thành từ New York gửi thư cho khâm sứ Trung Kỳ nhờ tìm địa chỉ của thân phụ là Nguyễn Sinh Huy. Lá thư ký tên Paul Tất Thành.
8. **Tất Thành**, 1914. Từ nước Anh Nguyễn Tất Thành gửi thư cho Phan Chu Trinh ký tên Tất Thành. Hiện có bốn lá thư được sưu tầm ký tên Tất Thành. Một thư ký Cuồng Diệt Tất Thành, ba thư ký C.Đ Tất Thành.
9. **Paul Thanh**, 1915. Ngày 16 tháng 4 năm 1915, Nguyễn Tất Thành viết thư cho toàn quyền Đông Dương qua lãnh sự Anh tại Saigon nhờ tìm địa chỉ cha mình. Thư ký tên Paul Thanh.
10. **Nguyễn Ái Quốc**, 1919. Tên này có khi Nguyễn Tất Thành ở Pháp cùng sinh hoạt chung với nhóm người gồm các ông Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh. Nguyễn Tất Thành là người đến gia nhập nhóm sau cùng.
11. **Phéc-di-năng**
12. **Albert de Pourville**, 1920. Báo Điện Tín Thuộc Địa có truyền đơn trích đoạn từ nhiều tờ báo có liên quan tới vấn đề Đông Dương. Người đăng ký tên Albert de Pourville.
13. **Nguyễn A.Q.**, 1921-1926. Hai bài báo ký tên Nguyễn A.Q. có tựa “Hãy Yêu Mến Nước Pháp, Người Bảo Hộ Các Anh.” đăng trên báo Người Tự Do, ngày 7 đến 10, 1921. Nguyễn A.Q. còn được ký dưới tranh biếm họa ngày 1 tháng 8 năm 1926.
14. **Culixe**, 1922. Nguyễn Ái Quốc ký bút danh Culixe trong một bài viết trên L’Humanité ngày 18 tháng 3 năm 1922.
15. **N.A.Q.**, 1922. Bút danh này trên báo Le Paria và L’Humanité từ 1922-1930.
16. **Ng.A.Q.**, 1922. Bút danh này trên báo Le Paria từ 1922-1925.
17. **Henri Tran**, 1922. Henri Tchen là tên ghi trong thẻ đảng viên Đảng Cộng Sản Pháp của Nguyễn Ái Quốc. Số thẻ: 13861.
18. **N.**, 1923. Nguyễn Ái Quốc dùng bút danh N. trong các năm 1923-1928 trên Le Paria.
19. **Chen Vang**, 1923. Ngày 13 tháng 6 năm 1923, Nguyễn Ái Quốc bí mật rời Paris đi Liên Xô, *Tổ Quốc Cách Mạng*. Ngày 16 tháng 6 năm 1923, Nguyễn Ái Quốc đến nước Đức. Tại đây, Nguyễn được cơ quan đặc mệnh toàn quyền Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Xô Viết Liên Bang tại Berlin cấp cho giấy đi đường số 1829. Trong giấy này Nguyễn Ái Quốc mang tên Chen Vang.

20. **Nguyễn**, 1923. Bút danh này trong các năm 1923, 1924, 1928 trên Le Paria.
21. **Chú Nguyễn**, 1923. Thư này Nguyễn Ái Quốc gửi đến các bạn cùng hoạt động tại Pháp trước khi rời Paris đi Liên Xô.
22. **Lin**, 1924. Nguyễn Ái Quốc dùng tên Lin trong thời gian ở Liên Xô từ 1923-1924 và 1934-1939. Tên Lin xuất hiện lần đầu tiên trong bức điện thư gửi Ban Phương Đông của Quốc Tế Cộng Sản, đề ngày 14 tháng 4, 1924. Tháng 10 năm 1934, Lin được nhận vào trường Quốc Tế Lenin Liên Xô, năm học 1934-1935. Tên Lin số hiệu 375. Tháng 8 năm 1935, Lin dự đại hội lần thứ VII của Quốc Tế Cộng Sản.
23. **Ái Quốc**, 1924. Ái Quốc là tên ghi trong thẻ dự đại hội V Quốc Tế Cộng Sản, tháng 6 năm 1924. Tháng 8 năm 1927 Nguyễn Ái Quốc gửi đồng chí Francois Billous tấm bưu ảnh, trong đó ký tên Ái Quốc. Sau này còn một số thư khác với tên Ái Quốc.
24. **Un Annamite**, 1924. Bút danh Annamite được ký dưới một bài viết trên Le Paria.
25. **Loo Shing Yan**, 1924. Bài “Thư Từ Trung Quốc, số 1”, ngày 12 tháng 11 năm 1924, Nguyễn Ái Quốc viết về phong trào cách mạng Trung Quốc, sự thức tỉnh, giác ngộ cách mạng cho phụ nữ Trung Quốc, gửi tạp chí Rabotnhitxa. Trong bài này, Nguyễn Ái Quốc ký tên Loo Shing Yan, một nữ đảng viên Quốc Dân Đảng. Nguyễn Ái Quốc gửi thư cho ban biên tập tạp chí, ngày 12 tháng 11 năm 1924, giải thích: *“Khi tôi còn ở Quốc Tế Cộng Sản, tôi rất phấn khởi được đôi lần cộng tác với tờ báo của các đồng chí. Nay muốn tiếp tục sự cộng tác ấy. Nhưng vì tôi ở đây hoạt động bất hợp pháp, cho nên tôi gửi bài cho các đồng chí dưới hình thức “Những bức thư từ Trung Quốc” và ký tên một phụ nữ. Tôi nghĩ rằng làm như vậy bài viết có tính chất độc đáo hơn và phong phú hơn đối với độc giả, đồng thời cũng đảm bảo giữ được tên thật của tôi”*.
26. **Ông Lu**, 1924. Ngày 12 tháng 11 năm 1924, Nguyễn Ái Quốc viết thư gửi cho một đồng chí trong Quốc Tế Cộng Sản báo tin ông Lu đã đến Quảng Châu, Trung Quốc. Cuối thư đề địa chỉ liên lạc: Ông Lu, Hãng thông tấn Roxta, Quảng Châu, Trung Quốc. Sau này trong nhiều thư khác Nguyễn Ái Quốc cũng ghi địa chỉ liên lạc là Ông Lu.
27. **Lý Thụy**, 1924. Nguyễn Ái Quốc dùng bí danh Lý Thụy trong thời gian hoạt động ở Trung Quốc. Ngày 11 tháng 11 năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu với các giấy tờ tùy thân mang tên Lý Thụy. Trong bức thư gửi Quốc Tế Cộng Sản, ngày 18 tháng 12 năm 1924, Nguyễn Ái Quốc ghi ở cuối thư: *“Trong lúc này tôi là một người Trung Quốc, chứ không phải là một người An Nam, và tên tôi là Lý Thụy chứ không phải là Nguyễn Ái Quốc”*.
28. **Lý An Nam**, 1924-1925. Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Quảng Châu với bí danh Lý Thụy, làm phiên dịch trong văn phòng của Đoàn cổ vấn Xô Viết. Lý Thụy cũng có biệt danh là Lý An Nam lúc này.
29. **Nilopxki (N.A.Q.)**, 1924. Cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc tới Quảng Châu, Trung Quốc, làm việc tại cơ quan của Borodin. Hiện sưu tầm được tất cả 6 lá thư Nguyễn Ái Quốc ký tên Nilopxki.
30. **Vương**, 1925. Là giảng viên huấn luyện chính trị tại Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc lấy tên là Vương. Vương cũng là bí danh để bắt liên lạc với Nguyễn Lương Bằng ở Trung Quốc, 1925.
31. **L.T.**, 1925. Nguyễn Ái Quốc ký tên L.T. gửi thư cho ông H (Thượng Huyền) ngày 9 tháng 4 năm 1925. Sau ngày Nguyễn Ái Quốc còn viết khoảng 15 bài trên báo Nhân Dân với bút hiệu L.T. từ các năm 1949, 1957, 1958, 1960.
32. **Howang T.S.**, 1925. Ngày 2 tháng 5 năm 1925, Nguyễn Ái Quốc lấy bút hiệu Howang viết về đại hội công nhân và nông dân.
33. **Z.A.C.**, 1925. Bút hiệu này được đăng trên báo Thanh Niên.

34. **Lý Mỗ**, 1925. Báo Công Nhân Chi Lộ Đặc Hiệu, số 20, ra ngày 14 tháng 7 năm 1925, đã đưa tin một người Việt Nam gia nhập đội diễn thuyết và để giữ bí mật, Nguyễn Ái Quốc có tên là Lý Mỗ.
35. **Trương Nhược Trùng**, 1925.
36. **Vương Sơn Nhi**, 1925. Viết trên báo Thanh Niên với bút danh Vương Sơn Nhi, Trương Nhược Trùng.
37. **Vương Đạt Nhân**, 1926. Với bút danh này, Nguyễn Ái Quốc được Đoàn Chủ Tịch Đại Hội đại biểu toàn quốc lần thứ 2 của Quốc Dân Đảng Trung Quốc mời đến dự và phát biểu ý kiến. Ngày họp là 14 tháng 1 năm 1926.
38. **Mộng Liên**, 1926. Mộng Liên được ký dưới bài viết “Mục Dành Cho Phụ Nữ” đăng trên báo Thanh Niên, số 40, ngày 4 tháng 4 năm 1926.
39. **X.**, 1926. Bút danh này dùng trong các năm 1926, 1927. X. viết loạt bài nhan đề “Các Sự Biến Ở Trung Quốc”, đăng trên 7 số báo L’Annam.
40. **H.T.**, 1926. Cùng với bút danh Mộng Liên, H.T. là bút danh của Nguyễn Ái Quốc viết bài cho báo Thanh Niên. “*Còn một số bút danh khác như Hạ Sĩ, Hương Mộng, Diệu Hương v.v.. có thể cũng là bút danh của Nguyễn Ái Quốc, bởi lúc đó chưa có nhiều người viết bài cho báo Thanh Niên*”.
41. **Tổng Thiệu Tổ**, 1926. Theo hồi ký của một số người hoạt động ở Quảng Châu, Trung Quốc, Tổng Thiệu Tổ là bí danh của Nguyễn Ái Quốc khi ông ta hoạt động ở Quảng Châu, Trung Quốc.
42. **X.X.**, 1926. Nguyễn Ái Quốc ký bút danh này trên một bài đăng trong Inprekorr, số 91, ngày 14 tháng 8 năm 1926.
43. **Wang**, 1927. Bài viết dưới bút danh Wang được đăng trên Thư Tín Quốc Tế (Inprekorr).
44. **N.K.**, 1927. Cũng trong Thư Tín Quốc Tế.
45. **N. Ái Quốc**, 1927.
46. **Liwang**, 1927. Ngày 16 tháng 12 năm 1927, từ Berlin Nguyễn Ái Quốc viết thư cho Đoàn Chủ Tịch Quốc Tế Nông Dân, đề nghị giúp đỡ tiền để về nước. Thư viết: “*Trong 2 hoặc 3 tuần nữa tôi sẽ trở về đất nước tôi. Chuyến đi của tôi tốn chừng 500 dollars Mỹ. Vì tôi không có tiền nên tôi mong các đồng chí giúp tôi*”. Thư ký tên N. Ái Quốc. Trong thư, Nguyễn Ái Quốc đề nghị nếu có tiền xin gửi đến Ủy Ban Trung Ương của Đảng Cộng Sản Đức, chuyển cho “Liwang.”
47. **Ông Lai**, 1927. Cũng trong thư gửi Đoàn Chủ Tịch Quốc Tế Nông Dân, ngày 16 tháng 12 năm 1927, Nguyễn Ái Quốc ghi địa chỉ trả lời thư: M. Lai, chez M. Eckshtein, 21, Halle Chactrasse, Berlin.
48. **A.P.**, 1927. A.P. viết bài “Văn Minh Pháp ở Đông Dương” trên Inprekorr.
49. **N.A.K.**, 1928. Trong thư gửi Quốc Tế Nông Dân đề ngày 3 tháng 2 năm 1928.
50. **Nguyễn Lai**, 1928. Với thẻ nhập cảnh mang tên Nguyễn Lai, một Hoa kiều, Nguyễn Ái Quốc đặt chân tới đất Xiêm (Thái Lan).
51. **Thọ**, 1928
52. **Nam Sơn**, 1928. Tại Thái Lan khi họp với người Việt cư ngụ tại Thái Lan, Nguyễn Ái Quốc tự giới thiệu là Thọ, biệt hiệu Nam Sơn.
53. **Chín (Thầu Chín)**, 1928. Đầu tháng 8 năm 1928, Nguyễn Ái Quốc tới Udon, Thái Lan, ông lấy tên là Chín. Mọi người gọi là Thầu Chín hay ông già Chín.
54. **Victor Lebon**, 1930. Victor Lebon, 123 av. de la République, Paris, France là địa chỉ Nguyễn Ái Quốc ghi để nhận thư của đại diện Đảng Cộng Sản Pháp tại Quốc Tế cộng Sản và các đồng chí trong Đảng Cộng Sản Liên Xô. Ngày 27 tháng 2 năm 1930, Nguyễn Ái Quốc gửi thư cho đại diện Đảng

Cộng Sản Pháp tại Quốc Tế Cộng Sản thông báo về việc Đảng Cộng Sản Việt Nam được thành lập, yêu cầu được cung cấp tài liệu để tuyên truyền và giáo dục, đồng thời đề nghị Đảng Cộng Sản Pháp giúp đỡ v.v.. Nguyễn Ái Quốc ghi địa chỉ nhận thư của mình như ghi trên.

55. **Ông Lý(Lee)**, 1930. **Mr. Lee, The HongKong Shiao Fih Pao, 53, Wyndham Str, HongKong** là tên và địa chỉ để nhận sách báo. Với tên và địa chỉ này Nguyễn Ái Quốc **gửi cho đại diện Đảng Cộng Sản Mỹ** ngày 27 tháng 2 năm 1930.

56. **Ng. Ái Quốc**, 1930.

57. **L.M.Vang**, 1930. Ngày 27 tháng 2 năm 1930, Nguyễn Ái Quốc gửi thư cho văn phòng đại diện Đảng Cộng Sản Đức ở Quốc Tế Cộng Sản đề nghị xin cho ông ta một giấy chứng nhận là phóng viên báo Thế Giới. Thư ký tên Ng. Ái Quốc. Trong thư ông viết: “ *Trong hoàn cảnh tôi sống không hợp pháp, tôi cần có một nghề để nói với người khác. Tôi đóng vai phóng viên báo chí. Nhưng cần phải chứng thực danh nghĩa đó của tôi. Trong số tất cả các báo của Đảng chúng ta, tôi thấy chỉ có mỗi một tờ báo không mang cái tên “có tính chất lật đổ” và có thể cấp cho tôi một giấy chứng nhận thuận tiện, đó là báo Thế Giới. Tôi đề nghị các đồng chí xin cho tôi một giấy chứng nhận là phóng viên báo Thế Giới. Tên của tôi sẽ là L.M. Wang.*”

58. **Tiết Nguyệt Lâm**, 1930. Cũng trong thư Nguyễn Ái Quốc xin giấy chứng nhận là phóng viên báo Thế Giới, ông ghi địa chỉ để nhận là: Mr. Sit-yet-um, Wah-jon C, 136 wanchai R, HongKong.

59. **Paul**, 1930. Ngày 27 tháng 2 năm 1930, Nguyễn Ái Quốc viết thư gửi đồng chí Sota, liên đoàn chống đế quốc tại Berlin, thông báo về việc Đảng Cộng Sản Việt Nam đã được thành lập. Thư ký tên Paul. Còn một số thư khác cũng được ký tên Paul.

60. **T.V. Wang**, 1930. Ngày 2 tháng 3 năm 1930, Nguyễn Ái Quốc viết thư gửi Ban Phương Đông, Quốc Tế Cộng Sản báo cáo về tình hình Mã Lai, Đông Dương và việc gửi 3 học sinh đi học. Cuối thư đề nghị “*có thể mua cho tôi hồi phiếu của công ty xe lửa tốc hành Mỹ để tên T.V.Wang và gửi bưu điện cho tôi.*”

61. **Công Nhân**, 1930. Bút danh này trong bài viết “Tranh Thủ Quần Chúng Như Thế Nào?” đăng trên báo Vô Sản, cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng Sản Việt Nam, số 1, ra ngày 31 tháng 8 năm 1930.

62. **Victo**, 1930. Bí danh Victo trong bức thư đề ngày 29 tháng 9 năm 1930 gửi Ban Chấp Hành Quốc Tế Cộng Sản báo cáo về cuộc đấu tranh từ ngày 11 đến 17 tháng 9 năm 1930 của nông dân các tỉnh Thanh Chương, Hưng Nguyên, Nghệ An....

63. **V.**, 1931. Ngày 19 tháng 2 năm 1931, với bí danh V., Nguyễn Ái Quốc viết bài “Nghệ Tĩnh Đỏ”. V. đồng thời gửi báo cáo cho Ban Phương Đông, ngày 8 tháng 2 năm 1931, liên quan đến chỉ thị việc tổ chức Đảng Cộng Sản Đông Dương.

64. **K.**, 1931. Nguyễn Ái Quốc viết thư gửi Ban Phương Đông ngày 21 tháng 2 năm 1931, ký tên K., trong thư báo tin Lý Tự Trọng bắn chết mật thám Legrant và đã bị bắt. Nguyễn Ái Quốc đề nghị Ban Phương Đông liên lạc với Đảng Cộng Sản Pháp tổ chức biểu tình đòi thả Lý Tự Trọng.

65. **Đông Dương**, 1931. Bút hiệu này được đăng trên bài viết “Kỷ Niệm Một Năm Khởi Nghĩa Yên Bái” đăng trên Tạp Chí Thư Tín Quốc Tế, 1931, số 12.

66. **Quac E. Wen**, 1931.

67. **K.V.**, 1931. Nguyễn Ái Quốc dùng bí danh K.V. từ 1931. Bí danh này được nhắc đến trong thư gửi Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Cộng Sản Đông Dương. Đầu thư đề ngày 23 tháng 4, cuối thư đề 24 tháng 4. K.V. thông báo những cán bộ được cử về nước theo đường dây liên lạc, nhắc nhở công tác bảo vệ Đảng, giữ gìn bí mật, duy trì chế độ báo cáo giữa Đảng Cộng Sản Đông Dương với Quốc Tế Cộng Sản và đề nghị Trung ương ghi nhận

nhiệm vụ của mình đã được Ban Phương Đông xác định. Năm 1959, K.V. trong bài “Người Cháu Nuôi của Bác” đăng trên báo Nhân Dân ngày 27 tháng 12 năm 1959.

68. **Lão Trịnh**, 1931. Trong báo cáo của cơ quan an ninh Pháp về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc, thời gian trước khi bị bắt ở Hongkong (1918/1931), có một đoạn ghi như sau: “*ghi chú về vấn đề người cộng sản An Nam Nguyễn Ái Quốc tức Nguyễn Tất Thành, gọi là Lý Thụy, Vương Sơn Nhi, Lão Trịnh, Năm, Lý Phát, Viên, Tống Văn Sơ bị bắt ở phố Cửu Long ngày 6 tháng 6 năm 1931*”.

69. **Năm**, 1931.

70. **Lý Phát**, 1931.

71. **Viên**, 1931.

72. **Tống Văn Sơ**, 1931. Tống Văn Sơ là tên ghi trong thẻ căn cước của Nguyễn Ái Quốc khi ông ta bị bắt ở số 186, phố Tam Lung, Hongkong, ngày 6 tháng 6 năm 1931. “*Một chiến dịch điên cuồng tìm diệt cộng sản được chúng (Pháp và Anh) phát động trên quy mô lớn khắp vùng Đông Nam Á.*”

73. **New Man**, 1933. Bí danh này được gửi cho luật sư Lôdobi, người đã có công giúp Tống Văn Sơ ra khỏi nhà tù Anh ở Hongkong.

74. **Linov**, 1934. Tại Viện Nghiên Cứu các vấn đề thuộc địa, năm học 1934-1935.

75. **Teng Man Huon**, 1935. Tháng 8 năm 1935, Nguyễn Ái Quốc tham dự đại hội lần thứ 7 Quốc Tế Cộng Sản. Trong bản kê khai để tham dự đại hội ngày 16 tháng 8, ông có ghi: Họ, tên, bí danh trong đảng hiện nay: Teng Man Huon. Họ tên bí danh trong đại hội: Lin. Thẻ mang số 154 ghi tên: Lin, thuộc Đảng CS Đông Dương.

76. **Hồ Quang**, 1938. Hoạt động ở Trung Quốc cuối năm 1938. Nhờ quan hệ Liên Xô và Trung Quốc nên Nguyễn Ái Quốc qua Trung Quốc dễ dàng. Tại Lan Châu thủ phủ tỉnh Cam Túc, Tây Bắc Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc mang phù hiệu Bát lộ quân, quân hàm thiếu tá và giấy tờ mang tên Hồ Quang.

77. **P.C. Lin (P.C. Line)**, 1938. Từ Trung Quốc Nguyễn Ái Quốc viết hàng chục bài gửi về nước đăng trên Notre Voix, ký tên P.C. Lin, P.C. Line, Line (đều là của Lin).

78. **D.C. Lin**, 1939. Bút hiệu D.C. Lin có bài viết trên báo Dân Chúng xuất bản tại Saigon. Báo đăng liên tiếp ba số 46, 47, 48 ngày 21-28 tháng 8 năm 1939.

79. **Lâm Tam Xuyên**, 1939. Từ Quế Lâm, Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc viết thư gửi một đồng chí ở Ban Phương Đông Quốc Tế Cộng Sản, thư đề ngày 20 tháng 4 năm 1939. Cuối thư, sau dòng chữ bằng tiếng Pháp là chữ Hán viết tay: Quảng Tây, Quế Lâm, Quế Tây lộ tam thập ngũ hiệu Tân Hoa nhật báo chuyển giao Lâm Tam Xuyên tiên sinh. (Tân Hoa nhật báo , số nhà 35, đường Quế Lâm, Quế Tây, Quảng Tây, chuyển cho ông Lâm Tam Xuyên.)

80. **Ông Trần**, 1940. Cuối tháng 2 năm 1940, Nguyễn Ái Quốc với bí danh Ông Trần đến hiệu dầu cù là Vĩnh An Đường ở Côn Minh, Vân Nam, Trung Quốc, bắt liên lạc với tổ chức cộng sản Việt Nam ở Vân Nam để từ đó tìm cách trở về nước.

81. **Bình Sơn**, 1940. Từ 15 tháng 11 đến 18 tháng 12 năm 1940, với bút hiệu Bình Sơn, Nguyễn Ái Quốc viết 12 bài đăng trên Cửu Vong Nhật Báo (Trung Quốc).

82. **Đi Đông**. Tên này được Nguyễn Ái Quốc kể lại trong bài báo “Đồng Chí Đi Đông” đăng trên Cửu Quốc.

83. **Cúng Sáu Sán**, 1941. Ngày 28 tháng 1 năm 1941, người dân tại Pác Bó gọi Nguyễn Ái Quốc là Cúng Sáu Sán nghĩa là ông già ở rừng.

84. **Già Thu**, 1941. Tại hang Pac Bo, cán bộ gọi Nguyễn Ái Quốc là Già Thu. (ghi chú của người viết: Còn “Chú Thu” dành riêng cho nữ cán bộ người Tày Nông Thị Ngác, “Chú Thu, Cháu Trung hay Ngác” trong các sách báo khác hay đề cập tới thì sao?)
85. **Kim Oanh**, 1941. Bút danh của Nguyễn Ái Quốc ký dưới bài thơ “Phụ Nữ” đăng trên báo Việt Nam Độc Lập, số 104, ra ngày 1 tháng 9 năm 1941. Bài viết nêu những tấm gương anh hùng của phụ nữ Việt Nam từ Bà Trưng, Bà Triệu đến Nguyễn Thị Minh Khai. Kim Oanh kêu gọi chị em phụ nữ cần đoàn kết lại để đấu tranh.
86. **Bé Con**, 1941. Bút danh Bé Con được ký dưới bài thơ “Trẻ Con” đăng trên Việt Nam Độc Lập, số 106, ngày 21 tháng 9 năm 1941.
87. **Ông Cự**, 1941. Các năm 1940-1945, cán bộ cộng sản đồng hành với Nguyễn Ái Quốc thường gọi ông ta là Ông Cự.
88. **Hoàng Quốc Tuấn**, 1941. Tên này được các đồng chí của Nguyễn Ái Quốc tự đặt.
89. **Bác**, 1941. Tên gọi “Bác” xuất hiện từ dịp họp hội nghị Trung Ương lần thứ 8, tháng 5 năm 1941 ở Pắc Bó, Hà Quảng, Cao Bằng.
90. **Thu Sơn**, 1942. Tháng 1 năm 1942, với bí danh Thu Sơn, Nguyễn Ái Quốc chuyển đến nhà Xích Thắng tức Dương Mạc Thạch tại châu Nguyên Bình, Cao Bằng trong một số ngày.
91. **Xung Phong**, 1942. Bút danh này Nguyễn Ái Quốc ký dưới hai bài thơ “Tặng Thống Chế Pê Tanh” và “Nhóm Lửa” đăng trên Việt Nam Độc Lập, số 131, ngày 11 tháng 7 năm 1942, số 133 ngày 1 tháng 8 năm 1942.
92. **Hồ Chí Minh**, 1942. Để đánh lạc hướng khi hoạt động tại Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc lấy tên mới là Hồ Chí Minh. Ngày 13 tháng 8 năm 1942, Hồ Chí Minh đi Trung Quốc. Ngày 27 tháng 8 năm 1942 tại Túc Vinh Hồ Chí Minh bị bắt. Khi kiểm soát giấy tờ thì thấy thẻ hội viên Hồ Chí Minh là “Hội Ký Giả Thanh Niên Trung Quốc.” Hồ Chí Minh bị phe Tưởng Giới Thạch nghi ngờ là gián điệp cộng sản và bị bắt giải đi giam qua 13 huyện thị của tỉnh Quảng Tây. Ngày 10 tháng 9 năm 1943 Hồ Chí Minh được thả.
93. **Hy Sinh**, 1942. Với bút hiệu Hy Sinh, Hồ Chí Minh làm bài thơ “Chơi Giăng” đăng trên báo Việt Nam Độc Lập, số 134, ngày 21 tháng 8 năm 1942.
94. **Cụ Hoàng**, 1945. Cuối tháng 2 năm 1945, Hồ Chí Minh đi Côn Minh với ý định gặp các cơ quan của Mỹ để tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ của đồng minh chống phát xít đối với nhóm của Hồ Chí Minh. Khi đến Bixichai, Hồ Chí Minh được giới thiệu là “Cụ Hoàng”. Đây cũng là tên công khai của Hồ Chí Minh trên giấy tờ khi đi giao thiệp.
95. **C.M.Hồ**, 1945. Hồ Chí Minh ký tên C.M. Hồ dưới thư gửi ông Fenn, ông Tam vào tháng 7 và 8 năm 1945.
96. **Chiến Thắng**, 1945. Bút danh này Hồ Chí Minh viết bài đăng trên báo Cứu Quốc. Báo này là cơ quan của Tổng bộ Việt Minh, xuất bản số 1 ngày 25 tháng 1 năm 1942. Sau ngày 19 tháng 8 năm 1945, báo này được chuyển về Hà Nội, xuất bản công khai từ số 31 ngày 24 tháng 8 năm 1945. Hồ Chí Minh viết khoảng 400 bài trên báo Cứu Quốc. Bút danh Đ.X. được sử dụng nhiều nhất.
97. **Ông Ké**, 1945. Chiều cuối tháng 4 năm 1945, Hồ Chí Minh trong bộ áo chàm người Nùng đến chiếc lán ở Pác Tềng (chân núi Lam Sơn, Cao Bằng) của gia đình đồng chí Hoàng Đức Triều (An Định). Hồ Chí Minh được giới thiệu là “đồng chí Ông Ké.” Với bí danh Ông Ké, Hồ Chí Minh thường họp với Hoàng Quốc Việt, Vũ Anh, Phạm Văn Đồng, Đặng Việt Châu, Dương Đức Hiền, Đặng Văn Cáp.
98. **Hồ Chủ tịch**, 1945. Tên này có sau khi tuyên bố có “Chính Phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà”.
99. **Hồ**, 1945. Hồ Chí Minh ký tên Hồ dưới các thư gửi các ông Becna và Fenn đề ngày 9 tháng 5 năm 1945 và 9 tháng 6 năm 1945, cảm ơn về sự giúp đỡ các học viên lớp vô tuyến điện, nhờ ông Fenn liên lạc chuyển giúp gói quà có lá cờ của đồng minh đến cho Hồ bằng cách nhanh nhất.
100. **Q.T.**, 1945. Với bút hiệu Q.T. , Hồ Chí Minh viết 10 bài đăng trên báo Cứu Quốc trong các năm 1945-1946.

101. **Q.Th.**, 1945. Với bút hiệu này Hồ Chí Minh viết 14 bài đăng trên báo Cứu Quốc trong các năm 1945-1946. Bài đầu tiên ký tên Q.Th. là “Thế Giới với Việt Nam,” báo số 130, ngày 31 tháng 12 năm 1945.
102. **Lucius**, 1945. Tên mật do tổ chức OSS đặt cho Hồ Chí Minh khi ông ta làm việc cho cơ quan tình báo OSS của Hoa Kỳ.
103. **Bác Hồ**, 1946. Nhiều thư ký tên “Bác Hồ” gửi cho các thanh thiếu niên, học sinh.”Bác Hồ” cũng được quần chúng sử dụng rộng rãi, trong sách báo, học đường.
104. **H.C.M.**, 1946. H.C.M. được ký dưới thư gửi cho đồng chí của Hồ Chí Minh là Morixô Tore, tổng bí thư Đảng Cộng Sản Pháp, năm 1946.
105. **Đ.H.**, 1946. Bút danh này Hồ Chí Minh viết tập “Nhật Ký Hành Trình của Chủ Tịch Hồ Chí Minh Bốn Tháng Sang Pháp”, năm 1946.
106. **Xuân**, 1946. Trên đường di chuyển từ Hà Nội qua Sơn Tây, Phú Thọ, để trở lại chiến khu Việt Bắc trong những ngày đầu có chiến tranh với Pháp, Hồ Chí Minh đã nghỉ lại ở nhà ông Hoàng Văn Nguyên ở xóm Đồi, xã Cổ Tiêt, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ từ ngày 4 tháng 3 năm 1947 đến 18 tháng 3 năm 1947. Thời gian ở đây, Hồ Chí Minh lấy bí danh là Xuân trong các giấy tờ giao dịch.
107. **Một Người Việt Nam**, 1946. Đây là bút danh của Hồ Chí Minh ký dưới một bài viết “Hoa Việt Thân Thiện”, tháng 12 năm 1946.
108. **Tân Sinh**, 1947. Bút danh này Hồ Chí Minh dùng trong một số tác phẩm vào các năm 1947-1948, như “Đời Sống Mới”, “Nêu Cao và Thực Hành Cần Kiệm Liêm Chính Tức Là Nhen Lửa Cho Đời Sống Mới,” “Việt Bắc Anh Dũng.”
109. **Anh**, 1947. Ngày 20 tháng 8 năm 1947, Hồ Chí Minh gửi thư cho ông Nguyễn Khánh Toàn.
110. **X.Y.Z.**, 1947. Bút danh này được dùng từ 1947-1950 trong các sách “Sửa Đổi Lối Làm Việc”, tháng 10 năm 1947. Sách viết về “xây dựng Đảng” dựa theo cách chỉ dẫn của Lenin. Cũng với bút danh này, Hồ Chí Minh viết bài cho báo Sự Thật vào các năm 1948-1950. Bài “Dân Vận”, số báo 120, ngày 15 tháng 10 năm 1949.
111. **A.**, 1947. Mật danh A., 1947 dùng trong bức thư gửi đồng chí Hoàng Hữu Nam.
112. **A.G.**, 1947. Bút danh A.G. Hồ Chí Minh dùng viết bài trong các năm 1947-1950. “Cán Bộ Tốt và Cán Bộ Xoàng” là bài đầu tiên trên báo Sự Thật, số 77 năm 1947.
113. **Z.**, 1947. Theo cuốn nhật ký của ông Lê Văn Hiến, lúc làm bộ trưởng tài chánh, mật danh Z. là của Hồ Chí Minh dùng trong năm 1947.
114. **Lê Quyết Thắng**, 1948. “Cần Kiệm Liêm Chính” đăng trên báo Cứu Quốc số ra ngày 30, 31 tháng 5 và 1,2 tháng 6 năm 1949. Sau đó in thành sách cũng với bút hiệu Lê Quyết Thắng.
115. **K.T.**, 1948. Tháng 2 năm 1948, bút danh K.T., Hồ Chí Minh dịch hai bài thơ chữ Hán.
116. **K.Đ.**, 1948. Ngày 2 tháng 5 năm 1948, Hồ Chí Minh dùng bí danh K.Đ. viết thư gửi đồng chí Hoàng Quốc Việt căn dặn về việc ra báo vào tháng 5. Để tuyên truyền, K.Đ. làm bài thơ với danh nghĩa là đội trưởng dân quân du kích Mán và đề nghị đăng bài thơ này chung với thơ của Tố Hữu, Xuân Diệu.
117. **G.**, 1949. G. viết bài mỉa mai bà Tống Mỹ Linh khi qua Mỹ trong bài “Thêu Gấm và Cho Than” đăng trên báo Sự Thật. G. còn các bài viết khác như “Bệnh Khẩu Hiệu” trên báo Cứu Quốc, ngày 15 tháng 3 năm 1949, số 1191, nêu lên tầm quan trọng của khẩu hiệu trong công tác tuyên truyền, cổ động, và đồng thời cũng không nên đưa ra quá nhiều khẩu hiệu khó hiểu, dài dòng, không thiết thực.
118. **Trần Thắng Lợi**, 1949. Hồ Chí Minh dùng bút danh Trần Thắng Lợi viết bài “Đảng Ta” đăng trên tạp chí Sinh Hoạt Nội Bộ số 13, tháng 1 năm 1949.

119. **Trần Lực**, 1949. Bút danh Trần Lực được Hồ Chí Minh dùng trong các năm 1949-1958 và 1961. Trần Lực đã viết gần 70 bài báo và các tác phẩm ngắn như “Giấc Ngủ 10 Năm”, “Liên Xô Vĩ Đại”, “Đạo Đức Cách Mạng”...
120. **H.G.**, 1949. Trên báo Cứu Quốc, Hồ Chí Minh dùng bút hiệu H.G. viết bài “Trở Lại Vấn Đề Thi Đua Ái Quốc”, số 14, ngày 8 tháng 7 năm 1949.
121. **Lê Nhân**, 1949. Với bút hiệu này, Hồ Chí Minh viết bài “Thất Bại và Thành Công”, đăng trên báo Sự Thật ngày 19 tháng 8 năm 1949. Bài viết này cho chương mục “Sửa Đổi Lỗi Làm Việc”.
122. **T.T.**, 1949. Bút danh này Hồ Chí Minh ký dưới bài viết “Hồ Chủ Tịch và Văn Nghệ”.
123. **Danh**, 1950. Bút danh này Hồ Chí Minh dùng trong các năm 1950, 1953, với các bài “Thư Ký Mặt Trận Liên Việt Địa Phương”, ...
124. **Đinh**, 1950. Bí danh Đinh, Hồ Chí Minh ký dưới thư gửi Thủ Tướng Trung Cộng Chu Ân Lai, tháng 3, 1950. Cũng bí danh Đinh, Hồ Chí Minh gửi thư cho Đặng Đình Siêu bên Trung Cộng, Trần Canh ngày 9 tháng 10, 1950.
125. **T.L.**, 1950. Bút danh T.L., Hồ Chí Minh dùng trong thời gian 1950-1969, qua gần 250 bài báo đăng trên Sự Thật, Nhân Dân.
126. **Chí Minh**, 1950. Ngày 9 tháng 11 năm 1950 khi nghe tin người anh là Nguyễn Sinh Khiêm mất, Hồ Chí Minh viết một điện thư chia buồn dòng họ Nguyễn Sinh. Cuối điện thư, ký tên Chí Minh.
127. **CB.**, 1951. Bút danh này dùng từ 1951-1957 qua gần 700 bài báo đăng trên Nhân Dân. “Người Đảng Viên Lao Động Việt Nam Phải Như Thế Nào”, trên Nhân Dân, số 2, ngày 25 tháng 3 năm 1951. “Liên Xô Vĩ Đại” báo Nhân Dân, số 12, ngày 21 tháng 6 năm 1951.
128. **H.**, 1951. Hồ Chí Minh gửi thư cho ông Xuphanuvong (Lào) đề ngày 10 tháng 5 năm 1951, bằng tiếng Pháp, ký tên H.
129. **Đ.X.**, 1951. Bút danh này Hồ Chí Minh dùng từ năm 1951-1955, bài đăng trên báo Cứu Quốc.
130. **V.K.**, 1951. Bút danh V.K., Hồ Chí Minh dùng trong các năm 1951, 1960, 1961. “Bệnh Cá Nhân Địa Vị” đăng trên báo Nhân Dân, ngày 9 tháng 8, 1951. “Về Sự Lọc Đục của Mỹ và Diệm” đăng trên Nhân Dân, số 2818, ngày 9 tháng 12, 1961.
131. **Nhân Dân**, 1951. Bút danh Nhân Dân đăng bài “Chúc Mừng Ngày Kỷ Niệm Lần Thứ 34 Cách Mạng Tháng Mười” trên báo Nhân Dân, ngày 5 tháng 11, 1951. “Nhân Dân Việt Nam Chúc Mừng Ngày Kỷ Niệm Đảng Cộng Sản Trung Quốc” đăng trên Nhân Dân, ngày 1-3 tháng 7 năm 1954.
132. **N.T.**, 1951. Với bút danh N.T., Hồ Chí Minh viết bài “Phát Ngôn của Chính Phủ Nhân Tiếp Các Nhà Báo”, ngày 22 tháng 12 năm 1951.
133. **Nguyễn Du Kịch**, 1951. Hồ Chí Minh dùng bút danh Nguyễn Du Kịch viết cuốn “Tinh Uyển Bí Mật” dựa vào chuyện của Liên Xô.
134. **Nguyên**, 1953. Bút danh này dùng trong bài “Thư Từ Việt Nam – Những Con Voi là Những Con Muỗi”, 3/1953, gửi đăng báo Temps Nouveaux (Thời Mới, Liên Xô). Hồ Chí Minh gửi thư cho chú Thận (Trường Chinh) ký tên Nguyên.
135. **Hồng Liên**, 1953. Hồ Chí Minh dùng bút danh phụ nữ viết bài “Nhân Dịp Đại Hội Phụ Nữ Quốc Tế” đăng trên báo Cứu Quốc, số 2362, ngày 19 tháng 6 năm 1953.
136. **Nguyễn Thao Lực**, 1954. Nguyễn Thao Lực là bút danh Hồ Chí Minh dùng viết bài “Đẩy Mạnh Phong Trào Du Kịch”, đăng trên báo Nhân Dân, số ra ngày 16 – 20 tháng 1 năm 1954. Tác giả khẳng định “biết địch biết ta, trăm trận trăm thắng.”
137. **Lê**, 1954. Hồ Chí Minh lấy bút danh Lê trong bài “Bức Thư Ngỏ Gửi Thủ Tướng Pháp Mangdet Phorangxo”, trên báo Nhân Dân, số 284, ngày 9 tháng 12 năm 1954.
138. **Tân Trào**, 1954. Bút danh Tân Trào Hồ Chí Minh ký dưới bài “Giải Phóng Đài Loan”, đăng trên báo Nhân Dân, số 218, ngày 25 – 27 tháng 8 năm 1954.

139. **H.B.**, 1955. Hồ Chí Minh dùng bút danh H.B. viết bài “Có Phê Bình Phải Biết Tự Phê Bình”, đăng trên Nhân Dân, số 488, ngày 4 tháng 7 năm 1955.
140. **Nguyễn Tâm**, 1957. Bút danh Nguyễn Tâm viết bài “Quyển Nhật Ký Trong Ngực của Bác.” Bài này Hồ Chí Minh viết nhân dịp sinh nhật của ông ta, 19 tháng 5 năm 1957.
141. **K.C.**, 1957. Bút hiệu này Hồ Chí Minh dùng các năm 1957, 1958 qua 4 bài báo xung quanh việc Mỹ phóng vệ tinh nhân tạo.
142. **Chiến Sĩ**, 1958. Từ 1958-1968, Hồ Chí Minh dùng bút hiệu Chiến Sĩ viết hơn 80 bài báo đăng trên Nhân Dân và Quân Đội Nhân Dân. Đa số các bài viết lên án Mỹ và các bài viết ca ngợi như bài “Thanh Niên Anh Hùng Lý Tự Trọng.”
143. **T.**, 1958. Bút danh T. Hồ Chí Minh dùng viết bài “Phong Trào Vệ Sinh Yêu Nước Đang Sôi Nổi tại Trung Quốc” đăng trên báo Nhân Dân, ngày 29 tháng 1 năm 1958.
144. **Thu Giang**, 1959. Hồ Chí Minh ký bút danh Thu Giang trong bài “Bác Đến Thăm Côn Minh” trên báo Nhân Dân, ngày 12 tháng 4 năm 1959.
145. **Nguyễn Hảo Student**, 1959. Hồ Chí Minh dùng bút danh này viết thư gửi giáo sư Ivan Duycel (Bungari) ngày 10 tháng 4 năm 1959.
146. **Ph.K.A.**, 1959. Bút danh này Hồ Chí Minh viết bài “Cuộc Nghỉ Hè 2 Vạn 3 Nghìn Cây Sô” về chuyến đi thăm và nghỉ hè tại Trung Cộng và Liên Sô, trên báo Nhân Dân, số 2038, ngày 15 tháng 10 năm 1959.
147. **C.K.**, 1960. Hồ Chí Minh dùng bút danh C.K. viết bài “Bắt Đầu Hai Chữ” đăng trên báo Nhân Dân, ngày 14 tháng 1 năm 1960, về hạnh cần kiệm để xây dựng chủ nghĩa xã hội.
148. **Tuyết Lan**, 1960.
149. **Jean Fort**, 1960. Hồ Chí Minh dùng bút hiệu Tuyết Lan viết bài “Ba Chai Rượu Sâm Banh” đăng trên báo Nhân Dân, số 2331, ngày 27 tháng 4 năm 1960. Dưới hình thức dịch lại bức thư của một công nhân tên là Jean Fort, ở Algerie, gửi cho tác giả nói về tình cảm của một người bạn quốc tế đối với Nguyễn Ái Quốc thời kỳ ở Paris và những năm sau này.
150. **Trần Lam**, 1960. Trần Lam viết bài “Chuyện Giả Mà Có Thật” đăng trên báo Nhân Dân, số 2242, ngày 9 tháng 5 năm 1960. Hồ Chí Minh lấy bút hiệu này viết bài về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tại Thái Lan.
151. **Một người Việt kiều ở Pháp về**, 1960. Hồ Chí Minh ký dưới bài “Vài Mẫu Chuyện Trong Hời Bác Sang Thăm Pháp.”
152. **K.K.T.**, 1960. Hồ Chí Minh dùng bút hiệu này viết bài “Tinh Thần Yêu Nước và Tinh Thần Quốc Tế.”
153. **T.Lan**, 1961. Bút danh T. Lan Hồ Chí Minh dùng trong tác phẩm “Vừa Đi Đường Vừa Kể Chuyện Một Mình”, đăng nhiều lần trên báo Nhân Dân, tháng 5, 7, 8 năm 1961. Một bài báo khác nhan đề “Bác Ăn Tết Với Chúng Tôi” đăng trên Nhân Dân, ngày 14 tháng 2 năm 1961.
154. **Luật sư Th. Lam**, 1961. Bút danh này Hồ Chí Minh viết bài “Kính Hối Ủy Ban Quốc Tế Giám Sát và Kiểm Sát” đăng trên báo Nhân Dân, ngày 5 tháng 8 năm 1961, liên quan về hiệp định Geneve.
155. **Ly**, 1961. Hồ Chí Minh dùng bút danh Ly gửi bức điện đề ngày 13 tháng 12 năm 1961, đến đồng chí Ai dit, chủ tịch Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Cộng Sản Indonesia.
156. **Lê Thanh Long**, 1963. Bút danh này viết bài “Nhân Dịp Mừng Đảng 33 tuổi,” đăng trên báo Nhân Dân, ngày 4 tháng 2 năm 1963. Hồ Chí Minh viết bài này về Đảng Lao Động Việt Nam và sự giúp đỡ của các Đảng anh em đối với Đảng Lao Động Việt Nam.

157. **CH-KOPP (Alabama)**, 1963. Bút danh này của Hồ Chí Minh viết bài “Chó Mỹ Da Trắng Cắn Mỹ Da Đen” đăng trên Nhân Dân , ngày 30 tháng 4 năm 1963.
158. **Than Lan**, 1963. Bút danh này Hồ Chí Minh dùng viết bài “Đại Hội Phụ Nữ Quốc Tế,” đăng trên báo Nhân Dân, số 3377, ngày 26 tháng 6 năm 1963. Bài viết về buổi họp phụ nữ tại Moscow.
159. **Ng. Văn Trung**, 1963. Hồ Chí Minh dùng bút danh này viết bài “Phải Chăng Ròng Lầy Nước”, tháng 6 năm 1963.
160. **Ngô Tâm**, 1963. Ngày 7 tháng 9 năm 1963, Hồ Chí Minh viết thư gửi Lê Duẩn, ký tên Ngô Tâm.
161. **Nguyễn Kim**, 1963. Hồ Chí Minh lấy bút danh Nguyễn Kim trong bài “Thư Bạn Đọc” đăng trên báo Nhân Dân, ngày 7 tháng 12 năm 1963.
162. **Dân Việt**, 1964. Hồ Chí Minh lấy bút hiệu Dân Việt viết bài “Thư Ngỏ Gửi Ngài Ngoại Trưởng Anh Cát Lợi” đăng trên báo Nhân Dân, ngày 22 tháng 1 năm 1964.
163. **Đinh Văn Hảo**, 1964. Bút danh này Hồ Chí Minh viết thư gửi “chủ bút báo Tân Việt Hoa” ngày 2 tháng 5 năm 1964.
164. **C.S.**, 1964. Hồ Chí Minh lấy bút hiệu C.S. viết bài “Chó Mỹ” đăng trên Nhân Dân, ngày 10 tháng 9 năm 1964.
165. **Lê Nông**, 1964. Bút danh này dùng trong các năm 1964-1966. “Một Mẫu Tây Gặt Được 13 Tấn Thóc”, đăng trên Nhân Dân, từ 15-18 tháng 9 năm 1964.
166. **L.K.**, 1964. Hồ Chí Minh dùng bút danh L.K. viết bài “Báo Chí Anh Lột Trần Âm Mưu của Mỹ ở Việt Nam.”
167. **K.O.**, 1965. Hồ Chí Minh ký bút danh K.O. trong bài “Người Mới Việc Mới” đăng trên báo Nhân Dân, ngày 10 tháng 9 năm 1965. Bài viết về gương người làm việc tốt được “Bác Hồ” thưởng huy hiệu.
168. **Lê Ba**, 1966. Bút danh Lê Ba Hồ Chí Minh dùng viết thư “Trả Lời Ông Men Xphin Thượng Nghị Sĩ Mỹ” đăng trên Nhân Dân, số 4407, ngày 30 tháng 4 năm 1966. Bài viết kêu gọi Hoa Kỳ ngưng chiến tại Việt Nam.
169. **La Lập**, 1966. Hồ Chí Minh dùng bút danh La Lập viết bài “Tổng Giôn Phạm Tội Ác Tày Trời” đăng trên Nhân Dân, số 4508, ngày 10 tháng 8 năm 1966.
170. **Nói Thật**, 1966. Hồ Chí Minh dùng bút danh này viết 4 bài báo đăng trong báo Nhân Dân năm 1966.
171. **Chiến Đấu**, 1967. Trong thời gian Hồ Chí Minh chữa bệnh tại Trung Cộng, ông viết 2 bài báo với bút danh Chiến Đấu. Một bài có tựa “Lại Thêm Một Thắng Lợi To Lớn của Trung Quốc Anh Em”, đăng trên Nhân Dân, số 4823, ngày 24 tháng 6 năm 1967.
172. **B.**, 1968. Ngày 10 tháng 3 năm 1968, Hồ Chí Minh gửi thư cho Lê Duẩn, ký tên B. Nội dung thư liên hệ về việc Hồ Chí Minh đi thăm miền Nam. Trong những năm 60, bí danh B. cũng được dùng để gửi thư các đồng chí trong bộ chính trị.
173. **Việt Hồng**, 1968. Hồ Chí Minh ký bút danh Việt Hồng viết bài “Vừa Đi Đường Vừa Kể Chuyện Về Các Mác” đăng trên Nhân Dân, số 5137, ngày 5 tháng 5 năm 1968.
174. **Đinh Nhất**, 1968. Tháng 5 năm 1964, Hồ Chí Minh đi Côn Minh dùng bí danh này. Hồ Chí Minh gửi thư Chu Ân Lai và Đặng Dĩnh Siêu, ngày 25 tháng 5 năm 1968, cũng dùng bí danh Đinh Nhất.
175. **Trần Dân Tiên**. Gần đây các nhà nghiên cứu và sưu tầm cho rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng dùng bí danh hoặc bút danh này, tuy nhiên vẫn chưa rõ được dùng vào thời điểm và bối cảnh cụ thể nào.

Hiện vẫn còn khoảng 30 tên gọi, bí danh, bút danh được cho là của Hồ Chí Minh, nhưng chưa có cơ sở để khẳng định chắc chắn hoặc chứng minh cụ thể Bác đã dùng vào thời gian nào, trong trường hợp nào, nên vẫn chưa thể công bố chính thức. Chúng tôi sẽ tiếp tục sưu tầm và giới thiệu đến độc giả.